

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2025/DS-PT
Ngày 15-9-2025
V/v Buộc chấm dứt hành vi
cản trở việc sử dụng lối đi
chung, yêu cầu bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiêm

Các Thẩm phán:

Ông Cao Đức Chiến

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Vi Đức Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc Xác định lối đi chung, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn (nay là TAND khu vực 2-Lạng Sơn, bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vi Văn H, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn B, xã Q (trước đây là xã Đ, huyện T), tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Đồng bị đơn:

1. Ông Vi Văn T1, sinh năm 1965; có mặt.

2. Anh Vi Văn V, sinh năm 1994; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Q (trước đây là xã Đ, huyện T), tỉnh Lạng Sơn;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Vi Văn T1: Bà Hoàng Thị N; Luật sư văn phòng Luật sư Hoàng N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Vi Văn Q; vắng mặt.
2. Ông Vi Văn T2; vắng mặt.
3. Ông Vi Văn G; vắng mặt.
4. Ông Vi Văn S; vắng mặt.
5. Ông Đàm Văn Đ; vắng mặt.
6. Ông Vi Văn T3; vắng mặt.
7. Ông Nông Thái S; vắng mặt.
8. Ông Hoàng Văn N; vắng mặt.
9. Ông Đàm Văn C; vắng mặt.
10. Anh Vi Văn C1; vắng mặt.
11. Ông Vi Trung T; vắng mặt.
12. Ông Vi Văn C2; vắng mặt.
13. Bà Nông Thị H; vắng mặt.
14. Chị Vi Thị A; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Q (trước đây là xã Đ, huyện T), tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vi Văn C2, bà Nông Thị H, chị Vi Thị A: Anh Vi Văn H, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn B, xã Q (trước đây là xã Đ, huyện T), tỉnh Lạng Sơn; Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Vi Văn H là nguyên đơn; ông Vi Văn T1, ông Vi Văn V là các bị đơn trong vụ án.

- *Cơ quan kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn anh Vi Văn H trình bày: Khoảng năm 2016 ông Vi Văn T1 là người đứng ra bàn bạc với các hộ dân cùng mở con đường chung vào rừng để khai thác cây bạch đàn. Sau khi bàn bạc, thỏa thuận trong thôn có 11 hộ dân thống nhất mở đường đi qua thửa đất của các gia đình để thuận lợi cho việc đi lại, khai thác, phát triển kinh tế, nhưng không lập thành văn bản, không báo chính quyền địa phương; gồm các hộ ông Vi Văn C2 (bố anh H), ông Vi Văn Q, ông Đàm Văn Đ, ông Vi Văn T2, ông Hoàng Văn N, ông Nông Thái S, ông Vi Văn T3, ông Đàm Văn C, ông Vi Văn G, ông Vi Văn T1, ông Vi Văn S. Các hộ thống nhất mở đường từ bờ suối đi qua phần đất rừng của ông Vi Văn T4 và bà Chu Thị N đến khu vực Cốc C (hết phần đất rừng của bà N), thời gian làm từ ngày 29/4/2016 đến ngày 04/5/2016 hoàn thành; chi phí đóng góp, thống nhất sau khi làm xong đường tính tổng chi phí, chia cho các hộ theo diện tích rừng bên trong, gia đình nào có nhiều

diện tích rừng bên trong thì sẽ chịu chi phí nhiều hơn, gia đình anh có nhiều diện tích rừng nhất nên phải chịu 5.970.000 đồng; đoạn đường chung đi qua rừng gia đình ông T4 và bà N, nhưng hai gia đình này khó khăn nên không phải đóng góp, khi làm xong đường không cắm mốc và không làm biên bản, giấy tờ gì.

Từ khi làm đường xong ngày 04/5/2016 đến năm 2021 gia đình anh vẫn đi lại, chở củi bình thường trên đường này, không ai có ý kiến gì, cũng không ai chặn đường; khoảng năm 2022 ông Vi Văn T1 bắt đầu chặn xe củi gia đình anh, ông T1 nói đoạn đường tranh chấp là do ông T1 tự bỏ tiền ra làm nhưng chỉ chặn mỗi gia đình anh.

Đến ngày 01/4/2024 gia đình anh chở bạch đàn thì bị ông T1 chặn xe không cho đi, ngoài ông T1 còn có anh Vi Văn V (con trai ông T1) cũng có mặt, ông T1 là người trực tiếp chặn xe của anh, còn anh V đứng ở xa, nhưng cũng nói nhất quyết không cho xe anh qua, anh đã báo cáo thôn, ngày 02/4/2024 thôn hòa giải không thành, ngày 09/5/2024 Ủy ban nhân dân xã tiến hành hòa giải cũng không thành. Việc ông T1 và anh V chặn xe gỗ bạch đàn, nên anh không mang gỗ ra bán được, khiến gỗ bạch đàn bị hỏng. Do giữ nguyên hiện trạng số gỗ bạch đàn nằm trong rừng nhà anh hỏng khoảng 80%, số gốc cây bạch đàn không thể tái sinh được; số gỗ bị thiệt hại là do gia đình anh cùng nhau trồng, cùng nhau chăm sóc là tài sản chung của hộ gia đình anh. Anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Đề nghị Tòa án xác minh làm rõ đoạn đường tranh chấp là của chung 11 hộ đóng góp làm hay của riêng nhà ông T1 làm.

2. Yêu cầu ông Vi Văn T1 và anh Vi Văn V chấm dứt hành vi chặn đường đối với gia đình anh.

3. Yêu cầu ông Vi Văn T1 bồi thường cho anh 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), gồm tiền công, tiền thuê xe và tiền gỗ bị hỏng do hành vi chặn xe của ông T1. Tại phiên tòa sơ thẩm hay đổi yêu cầu bồi thường, cụ thể yêu cầu các bị đơn phải liên đới bồi thường cho gia đình anh số tiền 21.161.700 đồng.

4. Xem xét hành vi chiếm đoạt con đường chung của ông Vi Văn T1 và ngang nhiên chặn đường của ông Vi Văn T1 và anh Vi Văn V có vi phạm pháp luật không.

Bị đơn ông Vi Văn T1 trình bày: Con đường chung đi qua đất của ông Vi Văn G, ông Vi Văn Q, ông Vi Văn T4 (đã chết), anh Vi Văn C1 (là cháu ông T1), ông Vi Văn T3. Sau đó con đường chia ra làm hai nhánh, đường thẳng qua đất của ông, ông Nông Văn S, ông Hoàng Văn N, ông Đàm Văn Đ, ông Vi Văn D, một nhánh qua đất của ông Vi Văn C2 (là bố của anh Vi Văn H), có 11 hộ bàn nhau nhất trí mở đường, trong đó gia đình ông và ông Vi Văn C2, không có anh Vi Văn H.

Về đoạn đường chung đóng góp theo diện tích ha, ai nhiều diện tích thì đóng góp nhiều hơn (01ha đóng góp 300.000 đồng); đoạn đường từ Cốc P đến Cốc C là do ông mở, đoạn này qua đất của cháu ông là anh Vi Văn C1, tổng số tiền ông bỏ ra 6.000.000 đồng.

Ngày 01/4/2024 ông có chặn xe chở bạch đàn của anh H trên con đường chung 11 hộ cùng nhau đóng góp tiền làm, nguyên nhân do ông làm đập qua khe, ông Vi Văn C2 và anh Vi Văn H bắt ông dỡ đập không cho đập mà để nước chảy như ban đầu qua khe, ông C2 chửi ông, nên ông mới chặn xe anh H không cho đi qua đoạn đường ông mở, sau đó giải quyết ở thôn hai bên không hòa giải được, đến ngày 09/5/2024 UBND xã hòa giải ông đã có ý kiến không chặn đường anh H, nhất trí cho anh H đi, còn việc anh H có đi qua con đường này nữa không thì ông không để ý, ông không nhất trí toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh H.

Bị đơn anh Vi Văn V trình bày: Anh là con trai của ông T1, việc mở đường thì anh không nắm được do anh đi làm ở thành phố Lạng Sơn; tình tiết của vụ án anh không biết, không liên quan gì đến việc tranh chấp giữa anh H và ông T1, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vi Văn T2; ông Vi Trung T; ông Hoàng Văn N; ông Nông Thái S; ông Vi Văn G; ông Vi Văn Q trình bày: Đối với đoạn đường chung thì các hộ cùng nhau góp tiền vào làm, rừng của ai ở bên trong nhiều hơn thì đóng tiền nhiều hơn. Hết đoạn đường chung, đoạn đường riêng vào rừng nhà ai thì nhà ấy tự làm.

- Ông Vi Văn C2 trình bày: Việc góp tiền làm đường tranh chấp như nguyên đơn trình bày, gia đình ông đóng góp khoảng 6 triệu đồng, ông được tham gia trực tiếp giám sát hầu hết các buổi làm đường, đường chung kéo dài từ bờ suối đến đất nhà ông Vi Văn Q. Về số cây bạch đàn bị thiệt hại là do gia đình ông cùng trồng, gồm có ông, vợ là bà Nông Thị H, con ông là Vi Văn H, Vi Thị A. Việc anh H khởi kiện ông T1, anh V, gia đình đều biết và thống nhất để anh H khởi kiện, ông nhất trí các yêu cầu khởi kiện của anh H.

- Anh Vi Văn C1 trình bày: Anh là cháu của ông T1, năm 2008 bố anh lấy là bà Chu Thị N, hiện nay bà N đã đi khỏi địa phương, anh không nắm được bà N đi đâu, bố anh đã chết năm 2013. Về con đường chung của các hộ gia đình đi qua đất nhà anh, thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp mang tên bà N. Thời điểm các hộ gia đình mở đường anh đang đi làm ăn không ở nhà, anh không đóng góp tiền để làm con đường chung.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 17/01/2025, xác định đoạn đường tranh chấp được bắt đầu từ Cốc P đến Cốc C, giáp đất nhà ông Vi Văn Q, có tổng diện tích là 1.069m², thuộc thửa tạm 286.1, tờ bản đồ 01, mục đích sử dụng đất rừng sản xuất; Đoạn đường bên trong của nhà anh H hai bên rải rác các cây bạch đàn bị chặt xuống, đã mục. Theo bảng kê lâm sản kèm theo Biên bản xác minh khối lượng gỗ ngày 08/7/2024 của UBND xã Đội C, tổng khối lượng gỗ anh H bị thiệt hại là 14,108m³, tổng trị giá là 21.161.700 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vi Văn H, xác định con đường mở từ Cốc P đến Cốc C (tương ứng với đoạn đường từ A1 đến

A4, có chiều dài 268,0m trên trích đo) là con đường đi chung do 11 hộ gia đình đóng góp, gồm các hộ ông Vi Văn C2 (bố của anh Vi Văn H), ông Vi Văn Q, ông Đàm Văn Đ, ông Vi Văn T2, ông Hoàng Văn N, ông Nông Thái S, ông Vi Văn T3, ông Đàm Văn C, ông Vi Văn G, ông Vi Văn T1, ông Vi Văn S.

Buộc các bị đơn ông Vi Văn T1 và anh Vi Văn V phải liên đới bồi thường cho anh Vi Văn H, ông Vi Văn C2, bà Nông Thị H, chị Vi Thị A số tiền 17.225.624 đồng, cụ thể buộc bị đơn ông Vi Văn T1 phải bồi thường cho anh Vi Văn H, ông Vi Văn C2, bà Nông Thị H, chị Vi Thị A số tiền 8.612.812 đồng, bị đơn anh Vi Văn V phải bồi thường cho anh Vi Văn H, ông Vi Văn C2, bà Nông Thị H, chị Vi Thị A số tiền 8.612.812 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 13.000.000 đồng. Nguyên đơn anh Vi Văn H phải chịu 2.418.000 đồng tiền chi phí tố tụng, các bị đơn ông Vi Văn T1 và anh Vi Văn V phải liên đới chịu 10.582.000 đồng, cụ thể: Ông Vi Văn T1 phải chịu 5.406.000 đồng, anh Vi Văn V phải chịu 5.406.000 đồng tiền chi phí tố tụng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn anh Vi Văn H kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại, cụ thể buộc ông Vi Văn T1 và anh Vi Văn V phải bồi thường cho gia đình ông toàn bộ số tiền 21.161.000 đồng và trả lại ông toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định 13.000.000 đồng.

Các bị đơn ông Vi Văn T1; ông Vi Văn V kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của anh Vi Văn H.

Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 31/QDD-VKS-DS ngày 25/6/2025 của Viện trưởng VKSND tỉnh Lạng Sơn, đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm trong việc thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ; xác định trách nhiệm bồi thường của ông Vi Văn V chưa đảm bảo dẫn đến việc buộc ông Vi Văn V phải chịu nghĩa vụ tố tụng và án phí không phù hợp; ngoài ra còn một số vi phạm khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện;

Các bị đơn ông Vi Văn T1, ông Vi Văn V giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Vi Văn V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Vi Văn T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có

mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Bản án cấp sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn có những vi phạm như trên, nhưng xét thấy cấp phúc thẩm có thể khắc phục và sửa lại bản án cho phù hợp và đúng quy định của pháp luật, nên không cần thiết phải hủy Bản án. Viện kiểm sát thấy cần thay đổi nội dung kháng nghị không đề nghị hủy án; đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm cho phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Vi Văn H; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Vi Văn T1; chấp nhận kháng cáo của bị đơn Vi Văn V; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tại phiên tòa vắng mặt một số người tham gia tố tụng nhưng tại cấp sơ thẩm đã có lời khai, có một số đương sự đã có người được ủy quyền có mặt và có người đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa.

[2] Xét về quan hệ pháp luật: Tại Tòa án cấp sơ thẩm khi thụ lý giải quyết xét xử xác định quan hệ pháp luật là không chính xác. Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu giải quyết trong vụ án, trên cơ sở quy định của Bộ luật dân sự thì phải xác định quan hệ pháp luật là: Buộc các bị đơn phải chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng lối đi và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (tài sản). Sai sót này cấp phúc thẩm cần khắc phục; Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiên cứu rút kinh nghiệm.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn, của các bị đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát: Đối với nội dung yêu cầu buộc chấm dứt hành vi tranh chấp: Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm tất cả các đương sự trong vụ đều thừa nhận có việc 11 hộ gia đình đã thống nhất cùng nhau mở lối đi để phục vụ việc sản xuất nông nghiệp. Trong vụ án này căn cứ vào Điều 5 Luật tố tụng dân sự khi thực hiện việc giải quyết vụ án là giải quyết theo yêu cầu của đương sự, đương sự không yêu cầu xác định lối đi với tư cách diện tích cụ thể mà chỉ yêu cầu buộc chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng lối đi. Tại phiên tòa phúc thẩm qua phần thẩm vấn công khai tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận có việc 11 hộ gia đình thống nhất mở lối đi nên việc nguyên đơn khởi kiện các bị đơn về hành vi cản trở việc sử dụng lối đi là có căn cứ. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn phải chấm dứt hành vi cản trở.

[4] Xét về hành vi của ông Vi Văn V: Căn cứ vào lời khai của các đương sự tại phiên tòa, xác định ông Vi Văn V có mặt tại nơi xảy ra sự việc và đã có lời nói cản trở, không có hành động ngăn chặn; hành vi của ông Vi Văn V chưa đến mức

độ phát sinh mối quan hệ nhân quả trực tiếp gây thiệt hại về tài sản cho nguyên đơn nên chưa đủ căn cứ để buộc ông Vi Văn V phải cùng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại với ông Vi Văn T1. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại; chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vi Văn V, sửa án sơ thẩm, ông Vi Văn V không phải bồi thường thiệt hại.

[5] Xét về hành vi của ông Vi Văn T1: Về nguồn gốc con đường đi chung của 11 hộ gia đình thống nhất mở đường làm lối đi, tuy nhiên bản thân ông Vi Văn T1 không có phần đất mở lối đi này nhưng vào ngày 09/5/2024 ông Vi Văn T1 đã có hành vi dùng lời lẽ, hành động ngăn cản không cho xe vào để chở gỗ của nguyên đơn anh Vi Văn H đi vào trong khu đất để trữ gỗ, việc nguyên đơn anh Vi Văn H chưa thực hiện được việc chở gỗ đi ra, đã gây ra thiệt hại về tài sản cho nguyên đơn.

[6] Xét về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản: Tài sản bị thiệt hại theo kết quả định giá và các bên đương sự thống nhất thì giá trị gỗ bị thiệt hại là 21.161.700 đồng, do ông Vi Văn T1 đã có hành vi ngăn cản không cho xe đi vào lấy gỗ của nguyên đơn nhưng nguyên đơn anh Vi Văn H cũng có phần lỗi là chưa thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo quản, bảo vệ tài sản nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra, mặc dù nguyên đơn đã báo cáo chính quyền địa phương giải quyết, trong quá trình giải quyết không có ai ngăn cản, chính quyền địa phương cũng không buộc các bên giữ nguyên hiện trường; nguyên đơn cũng không chủ động vận chuyển gỗ ra khỏi khu rừng. Do đó, cần xác định cả nguyên đơn, bị đơn đều có lỗi, cần xác định lỗi của nguyên đơn và ông Vi Văn T1 mỗi người là $\frac{1}{2}$. Do đó, cần buộc bị đơn ông Vi Văn T1 phải bồi thường tương ứng với $\frac{1}{2}$ tổng số tiền thiệt hại là 10.581.000 đồng.

[7] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 13.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vi Văn H được chấp nhận đối với hành vi buộc các bị đơn chấm dứt hành vi còn yêu cầu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại chỉ được chấp nhận một phần, vì vậy nguyên đơn và các bị đơn phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với yêu cầu không được chấp nhận. Cụ thể nguyên đơn phải chịu số tiền 3.250.000 đồng tương ứng với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận do lỗi của nguyên đơn tự mình gây ra; bị đơn ông Vi Văn V phải chịu số tiền 3.250.000 đồng tương ứng với phần nguyên đơn yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở đã được chấp nhận; bị đơn ông Vi Văn T1 phải chịu 6.500.000 đồng tiền chi phí tố tụng tương ứng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được chấp nhận. Nguyên đơn anh Vi Văn H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 13.000.000 đồng, do đó các bị đơn ông Vi Văn T1 và anh Vi Văn V phải liên đới trả lại cho nguyên đơn anh Vi Văn H tổng số tiền 9.750.000 đồng tiền chi phí tố tụng, tương ứng với nghĩa vụ như đã phân tích nêu trên.

[8] Từ phân tích nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Vi Văn H; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Vi Văn T1 và bị đơn anh Vi Văn V; chấp nhận kháng nghị của Viện

kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, sửa Bản án dân sự số 02/2025/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Đối với phần yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn được chấp nhận thì không phải chịu án phí, đối với phần nào yêu cầu nào của nguyên đơn, bị đơn không được chấp nhận thì phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Vi Văn H; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Vi Văn T1 và bị đơn anh Vi Văn V. Sửa Bản án dân sự số 02/2025/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định (nay là TAND khu vực 2), tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ vào: Các Điều 38, 91, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 169, 584, 585, 586, 588, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ điều 24, khoản 1, khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29, của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu các bị đơn chấm dứt hành vi cản trở: Buộc ông Vi Văn T1, anh Vi Văn V phải chấm dứt hành vi cản trở nguyên đơn anh Vi Văn H sử dụng lối đi từ Cốc P đến Cốc C (tương ứng với đoạn đường từ A1 đến A4, có chiều dài 268,0m trên trích đo) là con đường đi chung do 11 hộ gia đình đóng góp, gồm các hộ ông Vi Văn C2 (bố của anh Vi Văn H), ông Vi Văn Q, ông Đàm Văn Đ, ông Vi Văn T2, ông Hoàng Văn N, ông Nông Thái S, ông Vi Văn T3, ông Đàm Văn C, ông Vi Văn G, ông Vi Văn T1, ông Vi Văn S (theo trích đo được gửi kèm Bản án sơ thẩm).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn Vi Văn T1 phải bồi thường thiệt hại; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn Vi Văn V phải bồi thường thiệt hại: Buộc bị đơn ông Vi Văn T1 phải bồi thường cho anh Vi Văn H và ông Vi Văn C2, bà Nông Thị H, chị Vi Thị A (do anh Vi Văn H là đại diện) số tiền 10.581.000 đồng (mười triệu, năm trăm tám mươi một ngàn đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng). Nguyên đơn anh Vi Văn H phải chịu 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền chi phí tố tụng; bị đơn ông Vi Văn T1 phải chịu 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm ngàn đồng) tiền chi phí tố tụng; bị đơn anh Vi Văn V phải chịu 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm

năm mươi ngàn đồng) tiền chi phí tố tụng. Nguyên đơn anh Vi Văn H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).

Buộc bị đơn ông Vi Văn T1 phải trả lại cho nguyên đơn anh Vi Văn H số tiền 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Buộc bị đơn anh Vi Văn V phải trả lại cho nguyên đơn anh Vi Văn H số tiền 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền phải thanh toán nêu trên thì còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Vi Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 529.000 đồng (năm trăm hai mươi chín ngàn đồng). Xác nhận anh Vi Văn H đã nộp 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001870, ngày 23/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, hoàn trả lại nguyên đơn anh Vi Văn H số tiền đã nộp là 221.000 đồng (hai trăm hai mươi một ngàn đồng).

Bị đơn ông Vi Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch là 529.000 đồng, tổng cộng là 829.000 đồng (tám trăm hai mươi chín ngàn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Bị đơn anh Vi Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

5.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn anh Vi Văn H; bị đơn ông Vi Văn T1; anh Vi Văn V không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp cho anh Vi Văn H theo Biên lai thu tiền số 0000021 ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;

Hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp cho ông Vi Văn T1 theo Biên lai thu tiền số 0000016 ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;

Hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp cho anh Vi Văn V, theo Biên lai thu tiền số 0000017 ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao tại Hà Nội;
- VKSND tối cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND khu vực 2 Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Chu Long Kiếm